

Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
DÂN VẬN CHÍNH QUYỀN, CHÍNH QUYỀN PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ
DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CẤP TỈNH
(Ban hành kèm theo Quy định kèm theo Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND
Ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

| Stt | Tiêu chí | Điểm quy định | Điểm tự chấm | Điểm thẩm định | Tài liệu kiểm chứng |
|-----------|---|---------------|--------------|----------------|--|
| I | Tiêu chí số 1: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai và thực hiện công tác dân vận chính quyền | 10 | | | Các văn bản ban hành |
| 1 | Ban hành văn bản quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về công tác dân vận | 6 | | | |
| 1.1 | Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác dân vận trong Quý I hằng năm | 3 | | | |
| | - Có ban hành | 3 | | | |
| | - Không ban hành | 0 | | | |
| 1.2 | Ban hành Kế hoạch, chương trình thực hiện các Chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương và của tỉnh về công tác dân vận (theo yêu cầu tại các văn bản của cấp trên) | 3 | | | |
| | - Có ban hành | 3 | | | |
| | - Không ban hành | 0 | | | |
| 2 | Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân vận | 3 | | | Báo cáo thực hiện công tác dân vận |
| | - Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về công tác dân vận | 3 | | | |
| | - Có 01 báo cáo trở lên chậm thời hạn hoặc nội dung không đảm bảo quy định | 1.5 | | | |
| | - Thiếu 01 báo cáo trở lên theo quy định | 0 | | | |
| 3 | Phân công lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác dân vận | 1 | | | Văn bản phân công |
| | - Có ban hành văn bản phân công nhiệm vụ | 1 | | | |
| | - Không ban hành văn bản phân công nhiệm vụ | 0 | | | |
| II | Tiêu chí số 2: Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn | 25 | | | Báo cáo kết quả công tác năm (nêu rõ số lượng, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong năm); Nghị quyết, Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra hằng năm, so sánh với báo cáo đánh giá kết quả công tác năm |

| Stt | Tiêu chí | Điểm quy định | Điểm tự chấm | Điểm thẩm định | Tài liệu kiểm chứng |
|------------|---|---------------|--------------|----------------|---------------------|
| 1 | Hoàn thành 100% nhiệm vụ | 25 | | | |
| 2 | Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ | 20 | | | |
| 3 | Hoàn thành từ 50% đến dưới 80% nhiệm vụ | 10 | | | |
| 4 | Hoàn thành dưới 50% nhiệm vụ | 0 | | | |
| III | Tiêu chí số 3: Thực hiện đạo đức công vụ và văn hóa công vụ | 10 | | | |
| 1 | Ban hành văn bản triển khai Quy chế văn hóa công vụ; Quy tắc ứng xử theo Quy định của UBND tỉnh về văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Hưng Yên | 2 | | | Văn bản triển khai |
| | - Có ban hành | 2 | | | |
| | - Không ban hành | 0 | | | |
| 2 | Thực hiện các văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc; nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên tỉnh Hưng Yên | 2 | | | |
| 2.1 | Ban hành văn bản triển khai | 1 | | | Văn bản triển khai |
| | - Có ban hành | 1 | | | |
| | - Không ban hành | 0 | | | |
| 2.2 | Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định | 1 | | | Báo cáo |
| | - Có báo cáo định kỳ theo quy định | 1 | | | |
| | - Thiếu từ 01 báo cáo định kỳ theo quy định | 0 | | | |
| 3 | Thực hiện tốt quy tắc ứng xử, thái độ tôn trọng, thân thiện với nhân dân với phương châm 04 xin, 04 luôn, 05 không, 05 biết | 1 | | | Báo cáo |
| | - Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức bị phản ánh về thái độ phục vụ người dân, tổ chức | 1 | | | |
| | - Trong năm có cán bộ, công chức, viên chức bị phản ánh về thái độ phục vụ người dân, tổ chức | 0 | | | |
| 4 | Cơ quan, đơn vị không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật và bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên | 2 | | | Báo cáo |
| | - Không có cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật | 2 | | | |
| | - Có cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật | 0 | | | |

| Stt | Tiêu chí | Điểm quy định | Điểm tự chấm | Điểm thẩm định | Tài liệu kiểm chứng |
|-----------|--|---------------|--------------|----------------|---|
| 5 | Thực hiện kiểm tra công vụ | 3 | | | |
| 5.1 | Ban hành Kế hoạch kiểm tra công vụ | 1 | | | Kế hoạch kiểm tra công vụ |
| | - Có ban hành | 1 | | | |
| | - Không ban hành | 0 | | | |
| 5.2 | Mức độ hoàn thành kế hoạch | 1 | | | Báo cáo kết quả kiểm tra công vụ |
| | - Hoàn thành 100% kế hoạch | 1 | | | |
| | - Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% kế hoạch | 0.5 | | | |
| | - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch | 0 | | | |
| 5.3 | Xử lý các vấn đề phát hiện qua công tác kiểm tra công vụ | 1 | | | Báo cáo kết quả sau kiểm tra công vụ; văn bản chấn chỉnh sau kiểm tra công vụ |
| | - 100% các vấn đề phát hiện qua công tác kiểm tra được xử lý | 1 | | | |
| | - Dưới 100% các vấn đề phát hiện qua công tác kiểm tra được xử lý | 0 | | | |
| IV | Tiêu chí số 4: Thực hiện các quy định về dân chủ theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở | 12 | | | |
| 1 | Ban hành Quy chế dân chủ | 1 | | | Quy chế dân chủ |
| | - Có ban hành Quy chế | 1 | | | |
| | - Không ban hành Quy chế | 0 | | | |
| 2 | Quyết định thành lập (hoặc kiện toàn) Ban chỉ đạo thực hiện dân chủ | 1 | | | Quyết định thành lập (hoặc kiện toàn) Ban chỉ đạo |
| | - Có Quyết định thành lập (hoặc kiện toàn) Ban chỉ đạo thực hiện dân chủ ở của cơ quan, đơn vị | 1 | | | |
| | - Không có Quyết định thành lập (hoặc kiện toàn) Ban chỉ đạo thực hiện dân chủ ở của cơ quan, đơn vị | 0 | | | |
| 3 | Báo cáo kết quả thực hiện dân chủ (6 tháng, năm) | 1 | | | Báo cáo |
| | - Có báo cáo | 1 | | | |
| | - Không có báo cáo | 0 | | | |
| 4 | Thực hiện những nội dung cơ quan, đơn vị phải công khai | 1 | | | Báo cáo |
| | - Có công khai | 1 | | | |
| | - Không công khai | 0 | | | |
| 5 | Hình thức và thời điểm công khai | 2 | | | Báo cáo |
| | - Đúng quy định | 2 | | | |

| Stt | Tiêu chí | Điểm quy định | Điểm tự chấm | Điểm thẩm định | Tài liệu kiểm chứng |
|-----------|--|---------------|--------------|----------------|--|
| | - Không đúng quy định | 0 | | | |
| 6 | Việc tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động | 2 | | | Tài liệu tổ chức hội nghị |
| | - Có tổ chức hội nghị | 2 | | | |
| | - Không tổ chức hội nghị | 0 | | | |
| 7 | Tổ chức lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về các nội dung theo quy định | 2 | | | Văn bản tổ chức lấy ý kiến |
| | - Có văn bản triển khai | 2 | | | |
| | - Không có văn bản triển khai | 0 | | | |
| 8 | Chương trình, Kế hoạch hoạt động, nội dung công tác của Ban Thanh tra nhân dân theo từng quý, 06 tháng và hàng năm | 2 | | | Chương trình, kế hoạch của Ban Thanh tra nhân dân |
| | - Có xây dựng, ban hành kế hoạch, chương trình | 2 | | | |
| | - Có từ 01 kế hoạch, chương trình trở lên không xây dựng, ban hành | 0 | | | |
| V | Tiêu chí số 5: Thực hiện công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo | 10 | | | |
| 1 | Bố trí lịch tiếp công dân của người đứng đầu | 2 | | | Văn bản công khai lịch tiếp công dân |
| | - Có lịch tiếp công dân bằng văn bản | 2 | | | |
| | - Không có lịch tiếp công dân bằng văn bản | 0 | | | |
| 2 | Thực hiện tiếp công dân định kỳ, đột xuất theo quy định | 4 | | | Sổ tiếp công dân; Quy chế tiếp công dân |
| | - Có thực hiện | 4 | | | |
| | - Không thực hiện | 0 | | | |
| 3 | Xử lý giải quyết/ tham mưu giải quyết kịp thời đúng quy định các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân | 4 | | | |
| | Điểm đánh giá được tính theo công thức: Tỷ lệ xử lý, giải quyết đơn, thư x 4 = (Số lượng đơn, thư xử lý, giải quyết/số đơn thư tiếp nhận) x 4 | | | | |
| VI | Tiêu chí số 6: Tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức Chính trị-xã hội tham gia giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng chính quyền theo quy định tại Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị | 10 | | | Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội cùng cấp đánh giá, chấm điểm việc tạo điều kiện của chính quyền cùng cấp |

| Stt | Tiêu chí | Điểm quy định | Điểm tự chấm | Điểm thẩm định | Tài liệu kiểm chứng |
|-------------|---|---------------|--------------|----------------|---|
| 1 | Việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời phục vụ cho việc giám sát, phản biện xã hội của cơ quan chính quyền | 3 | | | |
| 2 | Việc xử lý, giải quyết những đề xuất, kiến nghị, phản ánh của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phối hợp và các tổ chức chính trị - xã hội | 3 | | | |
| 3 | Việc phối hợp của cơ quan chính quyền trong việc thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở để phát huy dân chủ, chăm lo đời sống của người dân | 4 | | | |
| VII | Tiêu chí số 7: Thực hiện phong trào thi đua "Dân vận khéo" | 6 | | | |
| 1 | Đăng ký xây dựng và duy trì mô hình Dân vận khéo hằng năm | 2 | | | Văn bản đăng ký xây dựng hoặc duy trì mô hình Dân vận khéo |
| | - Có đăng ký xây dựng hoặc duy trì mô hình đã có | 2 | | | |
| | - Không đăng ký xây dựng hoặc duy trì mô hình đã có | 0 | | | |
| 2 | Báo cáo định kỳ về thực hiện phong trào thi đua "Dân vận khéo" 6 tháng, năm | 2 | | | Báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua "Dân vận khéo" |
| | - Có báo cáo | 2 | | | |
| | - Không có báo cáo | 0 | | | |
| 3 | Ban hành Kế hoạch phát động phong trào thi đua "Đẩy mạnh công tác dân vận chính quyền, chính quyền phục vụ người dân, doanh nghiệp" | 2 | | | Kế hoạch |
| | - Có ban hành | 2 | | | |
| | - Không ban hành | 0 | | | |
| VIII | Tiêu chí số 8: Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp | 10 | | | |
| | Kết quả đánh giá chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) | 10 | | | Tiêu chí do Sở Nội vụ chấm |
| | Điểm đánh giá được tính theo công thức: (Chỉ số Sipas x 10)/100 | | | | |
| IX | Tiêu chí số 9: Thực hiện chế độ gửi báo cáo đánh giá | 2 | | | Tiêu chí do Sở Nội vụ chấm |
| 1 | Gửi báo cáo đánh giá, chấm điểm | 1 | | | |
| | - Đúng hạn | 1 | | | |
| | - Chậm hạn | 0 | | | |
| 2 | Nội dung chấm điểm và hồ sơ thuyết minh rõ ràng, đúng quy định | 1 | | | |

| Stt | Tiêu chí | Điểm quy định | Điểm tự chấm | Điểm thẩm định | Tài liệu kiểm chứng |
|------------|--|----------------------|---------------------|-----------------------|----------------------------|
| | - Nội dung chấm điểm và hồ sơ thuyết minh rõ ràng, đúng quy định | 1 | | | |
| | - Nội dung chấm điểm và hồ sơ thuyết minh không rõ ràng, không đúng quy định (tài liệu kiểm chứng chèn số, trùng số) | 0 | | | |
| X | Điểm thưởng và Điểm trừ | 5 | | | |
| 1 | Điểm thưởng | | | | |
| | Trong năm có từ 01 tin bài trở lên đăng trên Báo, Đài địa phương, Công thông tin điện tử của tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị về cách làm hay, đổi mới, sáng tạo trong công tác dân vận; giới thiệu, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình "Dân vận khéo". | 2.5 | | | |
| | Trong năm có từ 01 cách làm hay, đổi mới, sáng tạo, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động phục vụ người dân và doanh nghiệp | 2.5 | | | |
| 2 | Điểm trừ | 5 | | | |
| | Bị cấp trên phê bình nhắc nhở hoặc gợi ý kiểm điểm bằng văn bản | 2.5 | | | |
| | Đề xảy ra điểm nóng hoặc các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài | 2.5 | | | |
| | TỔNG ĐIỂM | 100 | | | |